TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DSST
Ngày: 12/01/2024
V/v tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trương Ngươn;**
2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2023/QĐST – DS ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Văn H, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn H có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày:

Giữa anh và bà H1 có mối quen biết nhau là hàng xóm, bà H1 cần tiền để xoay trở công việc làm ăn nên anh có cho bà H1 vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 28/12 âm lịch/2022 (nhằm ngày 19/01/2023 dương lịch), anh cho bà H1 vay số tiền 50.000.000 đồng, bà H1 có viết biên nhận tiền, thỏa thuận lãi suất cho vay là 2%/tháng, thời hạn cho vay là 6 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đóng lãi được ba tháng thì ngưng không đóng nữa (tức đóng lãi từ ngày 19/01/2023 đến 19/4/2023), anh có đòi tiền nhiều lần nhưng chỉ hứa hẹn nhưng không trả, hiện nay đã bán nhà đất nhưng vẫn không trả tiền và đã bỏ nhà đi từ tháng 10 năm 2023 đến nay không trở về.

Nay anh yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay là 50.000.000 đồng và lãi chậm trả với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 19/4/2023 đến khi xét xử sơ thẩm. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa

nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn H có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] *Về nội dung*: Anh Lê Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền vay là 50.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 19/4/2023 đến khi xét xử sơ thẩm (lãi suất 1,66%/tháng), thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Lê Văn H có cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 vay tiền, có làm biên nhận và phía anh H có cung cấp biên nhận bản chính cho Tòa án. Trong suốt quá trình tố tụng, bà H1 vắng mặt không đến Tòa án mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh H, chứng tỏ bà H1 đã từ bỏ quyền lợi của mình, không phản đối gì đối với yêu cầu của anh H, anh H có đòi nhiều lần nhưng bà H1 không trả và bỏ địa phương đi mất. Như vậy, anh H yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ trả 50.000.000đ tiền vay là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Anh H trình bày có tính lãi suất 2%/tháng và thu được ba tháng tiền lãi, trong biên nhận cũng có ghi số tiền lãi suất là 2%/tháng, do đó việc yêu cầu tính lãi suất tiền vay của anh H hàng tháng là 1,66%/tháng là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Qua xem xét thì Hội đồng xét xử thấy rằng anh H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 19/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/01/2024 cần được chấp nhận, bởi lẽ anh H cho rằng kể từ ngày 19/4/2023 đến nay có đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng bà H1 không trả nợ, do đó chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của anh Lê Văn H, lãi suất được tính như sau: 50.000.000đ x 1,66%/tháng x 08 tháng 24 ngày = 7.304.000đ.

Thời hạn trả nợ: Anh H yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn H số tiền 57.304.000đ *(Năm mươi bảy triệu, ba trăm lẻ bốn ngàn đồng)*, trong đó vốn vay là 50.000.000đ, lãi suất là 7.304.000đ, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H1 có nghĩa vụ nộp 2.865.200đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho anh Lê Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.457.500đ theo biên lai thu tiền số 0011746 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Phan Thị Kiều Oanh